CAR RENTAL CONTRACT

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ XE Ô TÔ

Contract no. / Số hợp đồng

Date signed / Ngày ký

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM / CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Independence - Freedom - Happiness / Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pursuant to Civil Code No. 91/2015/QH13, Commercial Law No. 36/2005/QH11 and the Law on Enterprises as in force.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

PARTY A (LESSOR)
BÊN A (BÊN CHO THUÊ)

Company / Tên công ty

Tax code / Mã số thuế

Address / Địa chỉ

Representative / Người đại diện

ID no. / CCCD/CMND

Bank account / Tài khoản ngân hàng

Phone / Điện thoại

PARTY B (LESSEE)
BÊN B (BÊN THUÊ)

Full name / Họ và tên

Date of birth / Ngày sinh

Address / Địa chỉ

ID or passport / CCCD/CMND/Hộ chiếu

Date of issue / Ngày cấp

Place of issue / Nơi cấp

Phone / Điện thoại

Emergency phone / Điện thoại khẩn cấp

ARTICLE 1. VEHICLE AND RENTAL USE
ĐIỀU 1. THÔNG TIN XE THUÊ

Make and model / Hãng và mẫu xe

Licence plate / Biển số

Pick-up location / Địa điểm nhận xe

Drop-off location / Địa điểm trả xe

Party A leases the above vehicle to Party B with registration, inspection and insurance documents. The vehicle is for personal, non-commercial self-drive use within Vietnam only.

Bên A cho Bên B thuê xe trên, kèm giấy đăng ký, đăng kiểm và bảo hiểm. Xe dùng để tự lái cho mục đích cá nhân trong lãnh thổ Việt Nam, không dùng để kinh doanh.

ARTICLE 2. RENTAL PRICE AND PAYMENT
ĐIỀU 2. GIÁ THUÊ VÀ THANH TOÁN

2.1. Daily rental rate / Giá thuê/ngày

VND

Total rental cost / Tổng tiền thuê

VND

2.4. Security deposit / Tiền ký cược

VND

Refundable deposit collected separately
Tiền ký cược hoàn lại được thu riêng

Prepaid / Đã thanh toán

VND

Balance due / Còn phải trả

VND

2.2. Payment method / Cách thanh toán

2.3. Pick-up / Ngày, giờ nhận xe

Drop-off / Ngày, giờ trả xe

Rental price includes VAT / Giá thuê đã gồm VAT.

2.4. Security deposit / Tiền ký cược

The security deposit (Civil Code 2015, Art. 329) secures return of the vehicle. Party A refunds it no later than 30 days after return, deducting only amounts due under the contract, such as damage, traffic fines, fuel or charge shortfalls, itemised in writing with supporting documents. This period allows checks for camera-detected fines notified after return.

Tiền ký cược (Điều 329 Bộ luật Dân sự 2015) bảo đảm việc trả lại xe. Bên A hoàn tiền ký cược chậm nhất 30 ngày từ ngày trả xe. Bên A chỉ khấu trừ các khoản phải trả theo hợp đồng, như hư hỏng, tiền phạt giao thông, thiếu nhiên liệu hoặc thiếu mức sạc, có kê chi tiết bằng văn bản và kèm chứng từ. Thời hạn này cho phép kiểm tra phạt nguội được thông báo sau ngày trả xe.

2.5. Mileage limit / Giới hạn quãng đường

Excess mileage charge 5.000 ₫/km
Phụ thu vượt giới hạn 5.000 ₫/km

ARTICLE 2. RENTAL PRICE AND PAYMENT (CONT.)
ĐIỀU 2. GIÁ THUÊ VÀ THANH TOÁN (TIẾP)

2.6. Protection package / Gói bảo vệ

Select one option as recorded on the booking confirmation and under the Terms of Service.
Chọn một phương án theo xác nhận đặt xe và Điều khoản dịch vụ.

○ **No protection package / Không mua gói bảo vệ**

Party B is liable for damage to the vehicle up to the value of the vehicle.

Bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với xe tới giá trị của xe.

○ **Collision Damage Waiver (CDW) / Miễn trừ thiệt hại do va chạm**

Optional and paid. Party B's liability is capped at a 26.500.000 ₫ deductible, plus reasonable compensation for loss of use under Article 4.

Tùy chọn, có tính phí. Trách nhiệm của Bên B giới hạn ở mức miễn thường 26.500.000 ₫, cộng khoản bồi thường hợp lý cho thời gian xe không khai thác được theo Điều 4.

○ **Full Protection**

Paid option replacing CDW. The 0 ₫ deductible applies to covered incidents, including cover for glass, mirrors, lights and tyres under the Terms of Service. This is Party A's damage waiver, not insurance.

Gói tính phí thay CDW. Mức miễn thường 0 ₫ cho sự cố thuộc phạm vi, gồm kính, gương, đèn và lốp theo Điều khoản dịch vụ. Đây là cam kết miễn trừ thiệt hại của Bên A, không phải bảo hiểm.

Exclusions / Loại trừ áp dụng cho CDW và Full Protection

The package does not apply to damage caused by driving under the influence of alcohol or drugs; an unauthorised or unlicensed driver; use outside the agreed rental terms, dates or territory; racing, off-road use or any illegal activity; Party B's deliberate or grossly negligent act, including a serious violation of traffic law; or failure to report the incident promptly as required by this contract. Personal belongings left in the vehicle are not covered. In those cases Party B is liable for the reasonable, documented cost of repair or replacement and for loss of use as stated in Article 4.

Gói bảo vệ không áp dụng đối với thiệt hại do lái xe khi có nồng độ cồn hoặc chất kích thích; người lái không được ủy quyền hoặc không có giấy phép lái xe hợp lệ; sử dụng ngoài phạm vi, thời gian hoặc lãnh thổ đã thỏa thuận; đua xe, off-road hoặc bất kỳ hoạt động trái pháp luật nào; hành vi cố ý hoặc sơ suất nghiêm trọng của Bên B, bao gồm vi phạm nghiêm trọng luật giao thông; hoặc không báo cáo sự cố kịp thời theo hợp đồng này. Tài sản cá nhân để lại trong xe không được bảo vệ. Trong các trường hợp đó, Bên B chịu chi phí sửa chữa hoặc thay thế hợp lý có chứng từ và chi phí ngưng khai thác theo Điều 4.

ARTICLE 3. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A
ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- Deliver the vehicle in safe, clean, working condition, with valid vehicle documents. — Giao xe sạch sẽ, an toàn, hoạt động tốt, kèm giấy tờ xe hợp lệ.
- Ensure ownership & legal origin. — Đảm bảo quyền sở hữu, nguồn gốc hợp pháp.
- Maintain the vehicle regularly and keep the compulsory third-party civil liability insurance required by Vietnamese law. CDW and Full Protection are contractual damage waivers, not insurance. — Bảo dưỡng xe định kỳ và duy trì bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới theo quy định pháp luật Việt Nam. CDW và Full Protection là cam kết miễn trừ thiệt hại theo hợp đồng, không phải là bảo hiểm.
- Receive rental payments on time. — Nhận đủ tiền thuê đúng hạn.
- Retrieve vehicle upon contract expiry; claim compensation for damages. — Nhận lại xe khi hết hạn, yêu cầu bồi thường nếu có hư hại.

ARTICLE 4. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

• Check vehicle condition upon receipt/return & sign handover minutes.	Kiểm tra tình trạng xe khi nhận/trả, ký biên bản bàn giao.
• Use correct fuel, follow manual; liable if wrong fuel causes damage.	Dùng đúng nhiên liệu, tuân thủ hướng dẫn; chịu trách nhiệm nếu hỏng xe do sai nhiên liệu.
• Pay rental & deposit before receiving car.	Thanh toán đủ tiền thuê & tiền ký cược trước khi nhận xe.
• Return the vehicle on time. Late-return fees are charged as set out in the Terms of Service published on the website.	Trả xe đúng hạn. Phí trả xe muộn được tính theo Điều khoản dịch vụ đăng trên website.
• Liability: Party B compensates damage to the vehicle during the rental only as set out in the protection package in clause 2.6 (without a package, up to the value of the vehicle). Where Party B is liable, Party A may also claim a reasonable amount for loss of use while the vehicle is off the road for repair, calculated from the rental fee in this contract and supported by repair records; it is not charged automatically at the full rental fee. Party A itemises every amount in writing with supporting documents, and Party B may dispute it under the Terms of Service. Party B promptly reports any incident involving the vehicle to Party A.	Trách nhiệm: Bên B bồi thường thiệt hại đối với xe trong thời gian thuê chỉ theo gói bảo vệ nêu tại mục 2.6 (nếu không mua gói, tối đa tới giá trị xe). Khi Bên B có trách nhiệm bồi thường, Bên A có thể yêu cầu thêm khoản bồi thường hợp lý cho thời gian xe không khai thác được do phải sửa chữa, tính trên cơ sở phí thuê trong hợp đồng này và có chứng từ sửa chữa; khoản này không mặc nhiên bằng toàn bộ phí thuê. Bên A kê chi tiết từng khoản bằng văn bản kèm chứng từ và Bên B có thể khiếu nại theo Điều khoản dịch vụ. Bên B báo ngay cho Bên A khi có sự cố liên quan đến xe.
• Traffic laws: follow traffic laws; bear tolls and traffic fines incurred during the rental period, even after this contract ends. For a fine notified after the vehicle is returned (for example a camera fine), Party A emails the date of the violation, licence plate and amount with a copy of the official record; Party B has 7 days from receiving the notice to dispute it; after that Party A collects the fine from a deposit still held or by sending a payment link. Party A never charges Party B's card automatically and adds no fixed administrative fee, only an actual, documented handling cost shown in the notice.	Luật giao thông: tuân thủ luật giao thông; chịu phí cầu đường và tiền phạt giao thông phát sinh trong thời gian thuê, kể cả sau khi hợp đồng hết hiệu lực. Với khoản phạt được thông báo sau khi trả xe (ví dụ phạt nguội), Bên A gửi email ngày vi phạm, biển số và số tiền kèm bản sao biên bản xử phạt chính thức; Bên B có 7 ngày kể từ ngày nhận thông báo để phản đối; sau đó Bên A thu khoản phạt từ tiền cọc đang giữ hoặc gửi đường dẫn thanh toán. Bên A không tự động trừ tiền vào thẻ của Bên B và không thu phí hành chính cố định, chỉ thu chi phí xử lý thực tế có chứng từ và nêu rõ trong thông báo.
• Fuel and EV charging: return the vehicle with the fuel level recorded at handover (a full tank unless the handover record says otherwise). Missing fuel is charged at the actual pump price, with the receipt. For an electric vehicle returned below 20% charge, the recharge is charged at Party A's actual electricity cost, with the receipt, and no fixed fee.	Nhiên liệu và sạc điện: trả xe với mức nhiên liệu đã ghi nhận khi bàn giao (đầy bình, trừ khi biên bản bàn giao ghi khác). Nhiên liệu còn thiếu được tính theo giá bơm thực tế, kèm biên nhận. Với xe điện trả lại dưới 20% pin, tiền sạc tính theo chi phí điện thực tế của Bên A, kèm biên nhận, không thu phí cố định.
• Extra charges are never fixed penalties. They are limited to Party A's actual, documented cost, and Party A sends the receipt or invoice: cleaning (for example after smoking) up to 2.000.000 ₫; a lost key (Party A provides the spare key) up to 6.625.000 ₫. Party B may dispute a charge under the complaints section of the Terms of Service.	Các khoản phí phát sinh không phải là mức phạt cố định mà chỉ bằng chi phí thực tế có chứng từ của Bên A, kèm hóa đơn hoặc biên nhận: phí vệ sinh (ví dụ sau khi hút thuốc) tối đa 2.000.000 ₫; mất chìa khóa (Bên A cung cấp chìa dự phòng) tối đa 6.625.000 ₫. Bên B có thể khiếu nại khoản phí theo mục khiếu nại của Điều khoản dịch vụ.
• Do not use vehicle illegally, lease to others, pledge, or sell.	Không dùng xe phạm pháp, cho thuê lại, cầm cố, mua bán.
• GPS must remain intact; tampering = termination.	Không được tháo/hỏng GPS; vi phạm = chấm dứt hợp đồng.

ARTICLE 4. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B (CONT.)

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B (TIẾP)

• Only drivers named in this contract or the handover record with a licence valid in Vietnam may drive. Party B is legally responsible if the vehicle is driven by an ineligible driver.	Chỉ người có tên trong hợp đồng hoặc biên bản bàn giao và có GPLX hợp lệ tại Việt Nam mới được lái xe. Bên B chịu trách nhiệm pháp lý nếu xe do người không đủ điều kiện điều khiển.
• A copy of Party B's valid driving license is attached to this contract, or the license is photographed and recorded at vehicle handover.	Bản sao giấy phép lái xe hợp lệ của Bên B được đính kèm hợp đồng này, hoặc giấy phép lái xe được chụp ảnh và ghi nhận khi bàn giao xe.
• The vehicle is rented without a driver and for self-driving only.	Xe được cho thuê không kèm người lái, chỉ để tự lái.
• Party B must not use the vehicle to carry passengers or goods for payment (including taxi, ride-hailing, delivery or any other transport for hire).	Bên B không được dùng xe để chở khách hoặc hàng hóa nhằm thu tiền (bao gồm taxi, xe công nghệ, giao hàng hoặc bất kỳ hình thức vận chuyển thuê nào).

ARTICLE 5. GENERAL PROVISIONS

ĐIỀU 5. QUY ĐỊNH CHUNG

• This contract & appendices are integral. No unilateral changes.	Hợp đồng & phụ lục là bộ phận không tách rời. Không tự ý thay đổi.
• The Terms of Service and the Refund Policy published on Party A's website and accepted by Party B at the time of booking form part of this contract. If they conflict with this contract, the provision more favourable to Party B applies.	Điều khoản dịch vụ và Chính sách hoàn tiền đăng trên website của Bên A mà Bên B đã chấp nhận khi đặt xe là một phần của hợp đồng này. Nếu có mâu thuẫn với hợp đồng này, áp dụng quy định có lợi hơn cho Bên B.
• Issues that arise are to be resolved first through cooperative negotiation, in writing.	Vấn đề phát sinh trước hết được giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, bằng văn bản.
• If negotiation fails and Party B is a consumer, Party B may bring the dispute before a competent Vietnamese court. The dispute goes to the Vietnam International Arbitration Centre (VIAC) only if Party B agrees after the dispute has arisen (Law on Commercial Arbitration 2010, Art. 17).	Nếu thương lượng không thành và Bên B là người tiêu dùng, Bên B có thể khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam. Tranh chấp chỉ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) khi Bên B đồng ý sau khi tranh chấp phát sinh (Điều 17 Luật Trọng tài thương mại 2010).
• This contract is written in English and Vietnamese. If the language versions differ, the interpretation more favourable to Party B applies.	Hợp đồng được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nếu các bản ngôn ngữ khác nhau, áp dụng cách hiểu có lợi hơn cho Bên B.

ARTICLE 6. VALIDITY, TERMINATION AND FORCE MAJEURE

ĐIỀU 6. HIỆU LỰC, CHẤM DỨT VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

This contract takes effect on signing and is closed out when the vehicle is returned and accepted.	Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi xe được trả và nghiệm thu.
Either Party may terminate this contract by written notice if the other Party materially breaches it and does not remedy the breach within a reasonable time after written notice. On termination the vehicle is returned and the Parties settle the sums due under this contract and the Refund Policy.	Mỗi Bên có thể chấm dứt hợp đồng bằng văn bản nếu Bên kia vi phạm nghiêm trọng và không khắc phục trong thời hạn hợp lý sau khi được thông báo bằng văn bản. Khi chấm dứt, xe được trả lại và các Bên thanh toán các khoản phải trả theo hợp đồng này và Chính sách hoàn tiền.

ARTICLE 6. VALIDITY, TERMINATION AND FORCE MAJEURE (CONT.)
ĐIỀU 6. HIỆU LỰC, CHẤM DỨT VÀ BẤT KHẢ KHÁNG (TIẾP)

Cancellation and refunds / Hủy đặt xe và hoàn tiền

For cancellations by Party B, notice runs from sending the request to scheduled pick-up. Rates apply to all amounts paid for the rental booking, including protection and surcharges, excluding the security deposit.

Khi Bên B hủy, mốc tính là từ lúc gửi yêu cầu đến giờ nhận xe dự kiến. Tỷ lệ hoàn tính trên toàn bộ tiền đã trả cho đơn, gồm gói bảo vệ và phụ phí, không gồm tiền ký cược.

Notice before scheduled pick-up Thời điểm hủy trước giờ nhận xe dự kiến	**Refund** Tỷ lệ hoàn
At least 10 days (240 hours) Từ đủ 10 ngày (240 giờ)	**100%**
At least 5 days (120 hours) and less than 10 days (240 hours) Từ đủ 5 ngày (120 giờ) đến dưới 10 ngày (240 giờ)	**70%**
Less than 5 days (120 hours) Dưới 5 ngày (120 giờ)	**0%**

No-show: If Party B neither collects the vehicle nor contacts Party A within 2 hours after scheduled pick-up, the refund rate is 0% on the same basis.

Force majeure (Civil Code 2015, Arts. 156 and 351(2)): Neither Party is liable for failure or delay due to an objective, unforeseeable event that cannot be overcome despite all necessary measures within its ability, unless otherwise agreed or required by law. The affected Party promptly notifies the other.

Không đến nhận xe: Nếu Bên B chưa nhận xe và không liên hệ với Bên A trong vòng 2 giờ kể từ giờ nhận xe dự kiến, tỷ lệ hoàn là 0% trên cùng cơ sở tính nêu trên.

Bất khả kháng (Điều 156 và khoản 2 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015): Mỗi Bên được miễn trách nhiệm nếu không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ do sự kiện khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Bên bị ảnh hưởng thông báo kịp thời cho Bên kia.

ARTICLE 7. CONFIDENTIALITY AND PERSONAL DATA PROTECTION
ĐIỀU 7. BẢO MẬT VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

7.1 Party A keeps confidential all Party B's information (passport/ID, license, residence, contact). Only used for contract purposes & legal compliance.

Bên A giữ bí mật thông tin của Bên B (hộ chiếu/CMND, GPLX, cư trú, liên hệ). Chỉ dùng để thực hiện hợp đồng & tuân thủ pháp luật.

7.2 No disclosure to third parties unless required by law or with Party B's consent.

Không tiết lộ cho bên thứ ba trừ khi luật yêu cầu hoặc có sự đồng ý của Bên B.

7.3 Party A complies with the Cybersecurity Law No. 116/2025/QH15, the Personal Data Protection Law No. 91/2025/QH15 and Decree No. 356/2025/NĐ-CP.

Bên A tuân thủ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và Nghị định số 356/2025/NĐ-CP.

7.4 GPS tracking: By signing, Party B consents to Party A collecting and processing the vehicle's location via its GPS tracker during the rental, solely to protect and recover the vehicle, assist in an accident or breakdown, and verify use under this contract in a dispute. Only Party A's authorised staff and its GPS provider acting for it can access the data. Party B may withdraw consent at any time via the contact channel in the Privacy Policy. To protect the vehicle, Party A may then require its return. Withdrawal does not affect earlier processing.

Định vị GPS: Bằng việc ký hợp đồng, Bên B đồng ý để Bên A thu thập, xử lý vị trí xe trong thời hạn thuê qua thiết bị GPS, chỉ để bảo vệ và thu hồi xe, hỗ trợ khi có tai nạn hoặc hỏng xe, và kiểm chứng việc sử dụng xe theo hợp đồng khi có tranh chấp. Chỉ nhân viên được phân quyền của Bên A và nhà cung cấp GPS thay mặt Bên A được xem. Bên B có thể rút lại đồng ý bất cứ lúc nào qua kênh liên hệ trong Chính sách bảo mật. Để bảo vệ xe, Bên A có thể yêu cầu trả xe khi Bên B rút lại đồng ý. Việc rút lại không ảnh hưởng đến xử lý đã thực hiện.

CONTRACT SIGNATURES
CHỮ KÝ HỢP ĐỒNG

PARTY A REPRESENTATIVE / ĐẠI DIỆN BÊN A
Sign and fingerprint / Ký, điểm chỉ

PARTY B REPRESENTATIVE / ĐẠI DIỆN BÊN B
Sign and fingerprint / Ký, điểm chỉ

VEHICLE HANDOVER MINUTES
BIÊN BẢN BÀN GIAO XE

The vehicle is delivered with all standard equipment, registration and insurance.
Xe bàn giao đầy đủ trang thiết bị, đăng ký, bảo hiểm.

Fuel level / Mức nhiên liệu

Vehicle condition / Tình trạng xe

Additional driver (if any) / Người lái bổ sung (nếu có)

Additional driver licence no. / Số GPLX người lái bổ sung

Odometer at handover / Số km khi bàn giao

km

Odometer at return / Số km khi trả xe

km

PARTY A REPRESENTATIVE / ĐẠI DIỆN BÊN A
Sign / Ký tên

Full name / Họ và tên

PARTY B REPRESENTATIVE / ĐẠI DIỆN BÊN B
Sign / Ký tên

Full name / Họ và tên